

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2024/DS-ST

Ngày: 13-9-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

2. Ông Lê Văn Phong

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205a/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 107a/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ: B - B N, phường H, quận C, TP .

Đại diện theo ủy quyền: Anh Ngô Châu N, sinh năm: 1979. Địa chỉ: B khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thủy L, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: khu phố E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Vũ T1, sinh năm: 1987, anh Nguyễn Vũ T2, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Chị Lê Thị Tuyết T3, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

1. Ông Nguyễn Vũ T và Bà Nguyễn Thủy L đang phát sinh các khoản vay quá hạn tại Ngân hàng TMCP S - CN Bến Tre- PGD Mỏ Cày, cụ thể như sau:

1.1. Hợp đồng tín dụng số 202326946090 ký ngày 11/01/2023; Số tiền vay: 300.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm trang thiết bị gia đình, Lãi suất tại thời điểm cấp tín dụng: 15%/năm, Thời gian vay: 5 năm; Thời điểm trả hết nợ: 17/01/2028; Phương thức trả nợ, vốn trả đều hàng tháng trong 60 kỳ, mỗi kỳ trả 5.000.000 đồng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần. Tính đến ngày 26/06/2023, khoản vay của bên bị kiện đang quá hạn tổng số tiền là 282.114.403 đồng. Trong đó

- Vốn trong hạn: 275.000.000 đồng - Vốn quá hạn: 3.499.491 đồng - Lãi quá hạn: 3.614.912 đồng.

1.2. Khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2556909 ngày 27/02/2023 của S1 với ông Nguyễn Vũ T, Hạn mức thẻ tín dụng được cấp: 50.000.000 đồng, Mục đích sử dụng thẻ: tiêu dùng, Lãi suất: 26.6%/năm, Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm; Phương thức thanh toán thẻ: thanh toán hàng tháng tối thiểu 5% dư nợ đầu kỳ (Dư nợ đầu kỳ được chốt định kỳ ngày 15 tây hàng tháng), Ngân hàng sẽ cho khách hàng 25 ngày để thanh toán. Nếu khách hàng phát sinh trễ hạn sẽ bị thu phí phạt bằng 6% (tối thiểu 80.000) số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ đó. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn Vũ T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 51.500.000 đồng. Trong quá trình thanh toán thẻ từ ngày 15/3/2023 ông Nguyễn Vũ T thanh toán tổng cộng 4.950.000 đồng. Tổng vốn, lãi thẻ tín dụng hiện tại tính đến ngày 26/6/2023 là 51,466.068 đồng. Trong đó:

- Vốn: 51.038.948 đồng, L1: 427.120 đồng.

Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 202326946090 ký ngày 11/01/2023:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 1.500,1m², loại đất: Đất ở tại nông thôn + Đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 321, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Theo 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD654871, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10321 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 05/7/2022 cho Ông Nguyễn Vũ T cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Vũ T1, Ông Nguyễn Vũ T2.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD654869, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10321 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 05/7/2022 cho ông Nguyễn Vũ T1 cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Vũ T, ông Nguyễn Vũ T2.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD654870, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10321 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 05/7/2022 cho ông Nguyễn Vũ T2 cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Vũ T1, ông Nguyễn Vũ T.

2. Căn cứ vào các điều khoản nêu trong Hợp đồng tín dụng số 202326946090 ký ngày 11/01/2023 và căn cứ theo khoản 24.1 Điều 24 Phụ lục Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S thì ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L đã vi phạm hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng nêu trên.

Ngân Hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L phải có nghĩa vụ trả 01 (một) lần cho Ngân Hàng TMCP S (do Ngân Hàng TMCP S - CN Bến Tre - PGD Mỏ Cày được ủy quyền nhận thay) toàn bộ số tiền khách hàng phải trả đến thời điểm 26/6/2023 là: 333.580.471 đồng và Ngân hàng tiếp tục tính lãi và lãi quá hạn phát sinh của các Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 27/6/2023 đến khi ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng thì xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202326946090 ngày 16/01/2023 mà ông Nguyễn Vũ T, ông Nguyễn Vũ T2, ông Nguyễn Vũ T1, bà Nguyễn Thủy L và bà Lê Thị Tuyết T3 đã đưa vào thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B - PGD Mỏ Cày, cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 1.500.1 m², loại đất: Đất ở tại nông thôn + Đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 321, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại: xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Theo 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD654871, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10321 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 05/7/2022 cho ông Nguyễn Vũ T cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Vũ T1, ông Nguyễn Vũ T2.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD654869, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10321 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 05/07/2022 cho ông Nguyễn Vũ T1 cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Vũ T, ông Nguyễn Vũ T2.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD654870, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10321 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 05/7/2022 cho ông Nguyễn Vũ T1 cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Vũ T, ông Nguyễn Vũ T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú và tài sản thế chấp tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/6/2023 là: 333.580.471 đồng và tiếp tục tính lãi và lãi quá hạn phát sinh của các Hợp đồng tín dụng từ ngày 27/6/2023 đến khi bị đơn trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có lời trình bày.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Hợp đồng tín dụng số 202326946090 kỳ ngày 11/01/2023 thì tính đến ngày 26/6/2023 ông T, bà L đang nợ quá hạn tổng số tiền là 282.114.403 đồng.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2556909 ngày 27/02/2023 thì đến ngày 26/6/2023 ông T, bà L đang nợ quá hạn tổng số tiền là 51.466.068 đồng.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay, ông Nguyễn Vũ T, bà Nguyễn Thủy L, ông Nguyễn Vũ T1, bà Lê Thị Tuyết T3 và ông Nguyễn Vũ T2 đã lập Hợp đồng thế chấp số 202326946090 ngày 16/01/2023 với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B - P

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ra Thông báo cho đại diện Ngân hàng và bị đơn cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến để tiến hành hòa giải. Tuy nhiên, ông Nguyễn Vũ T, bà Nguyễn Thủy L, ông Nguyễn Vũ T1, bà Lê Thị Tuyết T3 và ông Nguyễn Vũ T2 không có mặt nên không thể hòa giải được. Ngoài ra Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông Nguyễn Vũ T, bà Nguyễn Thủy L, ông Nguyễn Vũ T1, bà Lê Thị Tuyết T3 và ông Nguyễn Vũ T2 vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S (do Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B - PGD Mỏ Cày nhận thay) số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/6/2023 là 333.580.471 (Ba trăm ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn bốn trăm bảy mươi một) đồng và tiếp tục trả lãi và lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 27/6/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 202326946090 ký ngày 11/01/2023 đến khi ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông

Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L không trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đảm bảo để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 202326946090 ngày 16/01/2023.

Sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà vẫn chưa trả hết nợ thì ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L còn phải có nghĩa vụ tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ chịu Theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 91, 94 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.
- Áp dụng các Điều 317, 318, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L.

Buộc ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S (do Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B - P1 nhận thay) số tiền là 333.580.471 (Ba trăm ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn bốn trăm bảy mươi một) đồng và tiếp tục trả lãi và lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 27/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202326946090 kỳ ngày 11/01/2023.

Trường hợp ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L không trả nợ đầy đủ theo Hợp đồng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đảm bảo để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 202326946090 ngày 16/01/2023 là quyền sử dụng đất có diện tích 1.500.1m², loại đất đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 321, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại: xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre theo 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD654871, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10321 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 05/7/2022 cho ông Nguyễn Vũ T cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Vũ T1, ông Nguyễn Vũ T2.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD654869, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10321 do Sở

Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 05/7/2022 cho ông Nguyễn Vũ T1 cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Vũ T ông Nguyễn Vũ T2.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD654870, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10321 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 05/7/2022 cho ông Nguyễn Vũ T1 cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Vũ T, ông Nguyễn Vũ T2.

Sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà vẫn chưa trả hết nợ thì ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L còn phải có nghĩa vụ tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 16.679.000 (Mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn) đồng, ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thủy L có nghĩa vụ liên đới nộp.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S (do Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B - PGD Mỏ Cày nhận thay) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.052.860 (Bảy triệu không trăm năm mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000052 ngày 02/4/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

3. Dương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí